

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 21 tháng 8 năm 2024, về việc các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 53/2024/TLST-TCDS ngày 23 tháng 7 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H - sinh năm: 1986 và bà Cao Thị L - sinh năm 1994

Nơi cư trú: Thôn C, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T - sinh năm: 1962 và bà Mai Thị T1 - sinh năm 1966

Nơi cư trú: Thôn C, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về nội dung: Các bên đương sự cùng thống nhất chia tài sản chung là thửa đất số 1329, tờ bản đồ số 02, diện tích 330m² tại tổ dân phố C, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Hai bên thống nhất chia đôi diện tích thửa đất nói trên. Cụ thể,

giao cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Mai Thị T1 165m² về phía Tây của thửa đất, có các cạnh cụ thể là:

- + Phía Tây giáp với thửa đất số 1328, tờ bản đồ số 02 có chiều dài 22m
- + Phía Đông giáp với phần đất giao cho ông Nguyễn Văn H và bà Cao Thị L có chiều dài 22m
- + Phía Bắc giáp với đường giao thông có chiều dài 7,5m
- + Phía Nam giáp với R3 (mương thoát nước) có chiều dài 7,5m

Giao cho vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Cao Thị L 165m² về phía Đông thửa đất, có các cạnh cụ thể là:

- + Phía Đông giáp với thửa đất số 1330, tờ bản đồ số 02 có chiều dài 22m
- + Phía Tây giáp với phần đất giao cho ông Nguyễn Văn T, bà Mai Thị T1 có chiều dài 22m
- + Phía Bắc giáp với đường giao thông có chiều dài 7,5m
- + Phía Nam giáp với R3 (mương thoát nước) có chiều dài 7,5m

- Về chi phí tố tụng

Các bên đương sự thống nhất mỗi bên chịu một nửa chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đối với thửa đất số 1329, tờ bản đồ số 02 tại tổ dân phố C, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Do Nguyên đơn đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*), hai bên đương sự thống nhất phía Bị đơn là ông Nguyễn Văn T, bà Mai Thị T1 có trách nhiệm hoàn trả cho Nguyên đơn là ông Nguyễn Văn H, bà Cao Thị L số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.250.000 đồng (*Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

- Về án phí

Hai bên đương sự thống nhất ông Nguyễn Văn H và bà Cao Thị L nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) để sung vào công quỹ nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003385 ngày 16 tháng 7 năm 2024.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ba Đồn;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS thị xã Ba Đồn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Hữu Tình